TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ UÔNG BÍ** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 06/9/2018
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ, TỈNH QUẢNG NINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tiến Tập và bà Nguyễn Thị Xuân.

-Thư ký phiên toà*:* Bà Nguyễn Thị Yến - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa:*** Ông Đỗ Mạnh Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 84/2018/TLST-HNGĐ ngày 04/4/2018 về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2018/QĐST - HNGĐ ngày 09/8/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Tổ 1, khu H, phường P, thành phố U, tỉnh Q, có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Hoàng Thị H, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Tổ 1, khu H, phường P, thành phố U, tỉnh Q, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ông Nguyễn Văn T và bà Hoàng Thị H chung sống tự nguyện với nhau từ năm 1982. Vợ chồng ông T và bà H chung sống cùng nhau tại tổ 1, khu H, phường P, thành phố U, tỉnh Q. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn nên ông T làm đơn xin ly hôn với bà H. Trong quá trình chung sống, ông T và bà H có 03 con chung là Nguyễn Văn T, sinh ngày 07/8/1984 (đã trưởng thành); Nguyễn Thị T, sinh ngày 15/4/1986 (đã trưởng thành); Nguyễn Thị N, sinh ngày 08/4/1991 (đã trưởng thành). Về tài sản chung: ông T và bà H tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về vay nợ chung: ông T và bà H cùng trình bày không vay nợ chung.

Quan điểm của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T: Ông T và bà H chung sống tự nguyện với nhau từ năm 1982 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã P (nay là UBND phường P). Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do ông T và bà H sống không có tình

cảm. Trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày bà H đối xử với ông T không chu đáo, vợ chồng thường xuyên xảy ra bất đồng quan điểm cãi nhau. Chính những mâu thuẫn trên nên ông T không còn tình cảm với bà H và có tình cảm với người khác. Bà H thường xuyên bới móc, dằn vặt ông T. Vợ chồng ông T, bà H đã sống ly thân với nhau từ cuối năm 2017 cho đến nay. Trong quá trình sống ly thân, ông T và bà H vẫn sống chung nhà nhưng ăn riêng, ngủ riêng không có sự quan tâm, hỏi han giữa vợ chồng. Nay, ông T đề nghị xin ly hôn với bà H.

Quan điểm của bị đơn bà Hoàng Thị H: Ông T và bà H chung sống với nhau từ năm 1982 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã P (nay là UBND phường P). Quá trình chung sống bà H vẫn yêu chồng, vợ chồng mới chỉ sống ly thân từ cuối năm 2017 cho đến nay. Bản thân bà H vẫn quan tâm, chăm sóc chồng. Mâu thuẫn vợ chồng chỉ phát sinh từ cuối năm 2017 cho đến nay do ông T sống không chung thủy với bà H. Bà H và gia đình động viên ông T nhiều lần nhưng ông T vẫn quyết tâm không về chung sống với bà H. Nay, bà H tha thiết đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ với nhau.

Tại biên bản xác minh ngày 25/5/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh - bà Lê Thị H - Chủ tịch Hội liên hiệp phụ nữ phường P, TP U cung cấp sự việc: Ông Nguyễn Văn T và bà Hoàng Thị H cư trú tại tổ 1, khu H, phường P, thành phố U. Trong quá trình vợ chồng chung sống phát sinh mâu thuẫn theo bà Hường được biết do ông T sống không chung thủy với bà H, có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Nay, ông T gửi đơn ly hôn bà H đề nghị Tòa án hòa giải để ông T, bà H về đoàn tụ. Nếu ông T cương quyết ly hôn, bà H đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản xác minh ngày 08/8/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh - ông Nguyễn Tiến A - Trưởng khu H, phường P, TP U cung cấp sự việc: Ông Nguyễn Văn T và bà Hoàng Thị H là công dân cư trú tại tổ 1, khu H, phường P, thành phố U. Trong quá trình vợ chồng chung sống phát sinh mâu thuẫn là do ông T sống không chung thủy với bà H. Bà H không có lỗi gì trong việc phát sinh mâu thuẫn giữa ông T và bà H. Việc ông T gửi đơn ly hôn với bà H, chính quyền địa phương mong muốn Tòa án hòa giải để ông T, bà H về đoàn tụ vì ông T, bà H tuổi đã cao, con cháu đã trưởng thành, cuộc sống vợ chồng đoàn tụ để làm gương cho con cháu.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

*Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX và thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án:

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng việc thụ lý vụ án về trình tự, thủ tục, thẩm quyền. Việc xác định mối quan hệ tranh chấp, tư cách những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn giải quyết, quyết định đưa vụ án ra xét xử ... Hoạt động giải quyết của Thẩm phán đảm bảo đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên toà: HĐXX đã tuân theo đúng các quy định của BLLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong qua trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đương sự đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định của pháp luật.

*Về quan điểm giải quyết vụ án: căn cứ vào Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Toà án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát - Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình thì ông T, bà H xác lập quan hệ vợ chồng từ năm 1982 được công nhận là vợ chồng. Yêu cầu xin ly hôn của ông T chưa thỏa mãn quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên đề nghị không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Văn T khởi kiện về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình với bà Hoàng Thị H và cung cấp các tài liệu làm cơ sở cho việc giải quyết vụ án. Bị đơn bà Hoàng Thị H có nơi cư trú tại tổ 1, khu Hiệp An 2, phường P, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh. Đối chiếu với quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự vụ việc thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

[2] Về nội dung vụ án: Theo ông T và bà H cùng trình bày vợ chồng ông T, bà H chung sống với nhau từ năm 1982 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã P (nay là UBND phường P) nhưng ông T, bà H đều không cung cấp được bản chính giấy chứng nhận đăng ký kết hôn cho Tòa án. Tại biên bản xác minh của Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí tại UBND phường P - bà Mai Thị Quỳnh T - cán bộ tư pháp hộ tịch cung cấp thông tin ông T, bà H chung sống với nhau từ năm 1982. Sổ gốc đăng ký kết hôn năm 1982 tại UBND phường P không còn lưu nên không có căn cứ khẳng định ông T, bà H có đăng ký kết hôn. Tuy nhiên, HĐXX xét xử căn cứ vào Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Toà án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát - Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình thì ông T, bà H xác lập quan hệ vợ chồng từ năm 1982, vẫn được Toà án công nhận là vợ chồng.

Sau khi xem xét tổng thể mối quan hệ hôn nhân giữa ông T, bà H HĐXX thấy nguồn gốc mâu thuẫn trong đời sống vợ chồng giữa ông T và bà H là do ông T sống không chung thủy với bà H (điều này cũng đã được ông T thừa nhận). Tòa án cũng đã kiên trì hòa giải ba lần và cũng tại phiên tòa hôm nay bà H đều tha thiết đề nghị Tòa án giải quyết để vợ chồng về đoàn tụ với nhau vì bà H vẫn còn tình cảm yêu tH chồng. Xét mẫu thuẫn của ông T, bà H không phải là căn cứ cho ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Đề giải quyết vụ án hợp lý hợp tình, cũng như thực hiện nhất quán nguyên tắc của Luật hôn nhân và gia đình là xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc và tiến bộ nên cần chấp nhận đề nghị của bà H là giải quyết cho vợ chồng được đoàn tụ.Yêu cầu xin ly hôn của ông T chưa thỏa mãn quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên HĐXX không chấp nhận.

[3]Về án phí: Ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự;

-Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Toà án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát - Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

-Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện xin ly hôn đề ngày 28/3/2018 của ông Nguyễn Văn T đối với bà Hoàng Thị H.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm ông T đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000328 ngày 04/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh. Ông T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 06 tháng 9 năm 2018.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Hải

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ninh
- VKSND TP Uông Bí.
- Chi cục THADS TP Uông Bí.
- UBND phường P (Nơi ĐKKH)
- Các đương sự.
- Lưu án văn + Lưu hồ sơ.